

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/HS-ST**

Ngày: 03-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1993. Nơi sinh: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Số nhà 340/1, ấp P, xã T T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo. Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1956 (chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm: 1963 (sống). Họ tên chồng: Huỳnh Quốc V (đã chết); Bị cáo sống chung như vợ chồng với Lương Thái H (không có đăng ký kết hôn). Bị cáo có 02 người con sinh năm 2010 và 2017; Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 1996.

Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26/QĐ-XPVPHC ngày 04/5/2020 của Công an thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 102 ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú; Lệnh số 149 ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú và Quyết định số 124/2020/HSST-QĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông Đào Minh P, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: K1, T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: ấp T H, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm: 1963. Nơi cư trú: K1, T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, Nguyễn Thị Ngọc T mua gói ma túy của một người tên T1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở khu vực gần chợ G thuộc P6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang với giá 500.000 đồng. T sử dụng một phần, phần còn lại T cất vào túi đựng mỹ phẩm trang điểm cá nhân. Đến ngày 13 tháng 6 năm 2020, T được bạn trai là Lê Thành T2 (tên gọi khác: B) chở về phòng số 01 nhà không số ở K1, T T, huyện P nhà do T2 thuê của Đào Minh P (tên gọi khác: M) để ở và T mang theo túi mỹ phẩm có chứa ma túy đến nhà T2 để tiếp tục sử dụng. Đến ngày 15 tháng 6 năm 2020 thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm:

- 01 (một) túi đựng mỹ phẩm hình trụ, màu nâu, có hoa văn màu đen và chữ CAPZZI, cao 12cm, đường kính rộng nhất 22cm, nắp túi có dây kéo màu nâu của Nguyễn Thị Ngọc T, bên trong có 01 (một) túi nylon màu trắng, hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch ngang màu đỏ, có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 6Pro, màu đen; có gắn sim số 0916771573 và 0346431436; số IMEI 01: 865926042185116, số IMEI 02: 865926042185124 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2.

Tiến hành khám xét khẩn cấp theo Lệnh số: 10 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre đối với chỗ ở nêu trên của Nguyễn Thị Ngọc T, đã thu giữ được các đồ vật sau:

- Thu trên móc treo quần áo bên trái cửa phòng 01 (một) quần sọc bằng vải kaki màu xám (loại quần nam), kiểm tra phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước, bên trái nói trên 03 (ba) đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu, có màu sắc, kích thước khác nhau, được cố định lại với nhau bằng băng keo màu đen và một đoạn băng dính hai mặt màu vàng, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều có chất màu trắng nghi là ma túy (03 (ba) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1).

- Thu dưới nệm trên giường ngủ 01 (một) đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu, màu đỏ-trắng, dài 17cm, bên trong có chứa chất nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2).

- Thu trên tủ sắt (két sắt) 01 (một) túi nylon, bên trong có 32 (ba mươi hai) đoạn ống nhựa có màu sắc khác nhau; 03 (ba) cuộn băng keo màu đen; 01 (một) cuộn băng dính hai mặt, màu vàng.

- Thu trên móc treo quần áo ở vách tường nhà vệ sinh 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng-hồng, không kiểm tra bên trong do bị khóa mặt khóa (được niêm phong trong phong bì ký hiệu K3).

- 01 (một) thiết bị điều khiển lưu trữ dữ liệu camera nhãn hiệu KBVISION, model: KX-7104SD6, mã số P/N: 1.1.03.01.11856 (được bọc kín bằng túi nylon và dán niêm phong ký hiệu K4).

Tại Kết luận giám định số: 55A/2020/GĐMT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 4,5490 gam.

Tại Kết luận giám định số: 55B/2020/GĐMT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 03 (ba) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine, khối lượng 6,8836 gam; tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 1,3731 gam.

Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận số ma túy trong túi mỹ phẩm là của T mua để sử dụng. Riêng số ma túy và các vật dụng còn lại Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét, T không biết của ai. Cơ quan điều tra đã tiến hành mời Lê Thành T2 để làm việc nhưng T2 không có mặt tại địa phương và đến nay vẫn chưa xác định được T2 ở đâu nên chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ, xử lý sau.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo, ăn năn hối cải.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A1 chứa 4,3827 gam ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) túi đựng mỹ phẩm hình trụ, màu nâu, có hoa văn màu đen và có chữ CAPZZI, cao 12cm, đường kính rộng nhất 22cm, nắp túi có dây kéo màu nâu.

Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 6Pro, màu đen; có gắn sim số 0916771573 và 0346431436; số IMEI 01: 865926042185116, số IMEI 02: 865926042185124 (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2) do bị cáo không có sử dụng vào việc phạm tội.

Các vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ thái độ xem thường pháp luật, ham chơi, đua đòi và thiếu sự quan tâm quản lý, giáo dục của gia đình và nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của cá nhân nên vào khoảng 10 giờ ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại phòng số 01 của nhà không số thuộc K1, T T, huyện P, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 4,5490 gam, mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an tỉnh Bến Tre và Công an huyện Thanh Phú phát hiện, bắt quả tang.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, nên đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T có nhân thân không tốt, có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26/QĐ-XPVPHC ngày 04/5/2020. Bị cáo biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe bản thân, cộng đồng; đồng thời ma túy còn gây ra nhiều tệ nạn khác cho xã hội; biết việc tàng trữ ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc mua và cất giữ theo người để sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước, vi phạm pháp luật hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[7] Xét bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A1 chứa 4,3827 gam ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) túi đựng mỹ phẩm hình trụ, màu nâu, có hoa văn màu đen và có chữ CAPZZI, cao 12cm, đường kính rộng nhất 22cm, nắp túi có dây kéo màu nâu.

Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 6Pro, màu đen có gắn sim số 0916771573 và 0346431436; số IMEI 01: 865926042185116, số IMEI 02: 865926042185124 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2 do bị cáo không có sử dụng vào việc phạm tội.

Các vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú.

[9] Đối với nguồn gốc ma túy bị thu giữ, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận là do mua của một người tên T1 ở Tiền Giang, do không xác định được lai lịch nhân thân của đối tượng nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

[10] Riêng số ma túy và các vật dụng còn lại gồm: 01 (một) quần sọc bằng vải kaki màu xám (loại quần nam), kiểm tra phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước, bên trái nói trên 03 (ba) đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu, có màu sắc, kích thước khác nhau, được cố định lại với nhau bằng băng keo màu đen và một đoạn băng dính hai mặt màu vàng, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều có chất màu trắng nghi là ma túy (03 (ba) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1, gửi giám định là ma túy loại Ketamine, khối lượng 6,8836 gam; 01 (một) đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu, màu đỏ - trắng, dài 17cm, bên trong có chứa chất nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,3731 gam; 01 (một) túi nylon, bên trong có 32 (ba mươi hai) đoạn ống nhựa có màu sắc khác nhau; 03 (ba) cuộn băng keo màu đen; 01 (một) cuộn băng dính hai mặt, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng-hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu K3 và 01 (một) thiết bị điều khiển lưu trữ dữ liệu camera nhãn hiệu KBVISION, model: KX-7104SD6, mã số P/N: 1.1.03.01.11856 được bọc kín bằng túi nylon và dán niêm phong ký hiệu K4. Do những đồ vật này không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo T, vì vậy việc Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ những đồ vật này để xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp, nên ghi nhận.

[11] Đối với Đào Minh P cho Lê Thành T2 thuê nhà để ở, do P không biết việc Nguyễn Thị Ngọc T tàng trữ trái phép chất ma túy và không biết số ma túy còn lại được cất giấu tại phòng số 01 là của ai, quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú không có căn cứ xác định P có liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P là có căn cứ.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A1 chứa 4,3827 gam ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) túi đựng mỹ phẩm hình trụ, màu nâu, có hoa văn màu đen và có chữ CAPZZI, cao 12cm, đường kính rộng nhất 22cm, nắp túi có dây kéo màu nâu.

Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 6Pro, màu đen; có gắn sim số 0916771573 và 0346431436; số IMEI 01: 865926042185116, số IMEI 02: 865926042185124 được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2.

Các vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên